

Diễn ngôn trong giao tiếp văn học

Nguyễn Duy Bình*

Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, Vinh, Nghệ An, Việt Nam

Nhận ngày 10 tháng 10 năm 2012

Tóm tắt: Từ nhiều năm nay, diễn ngôn văn học đã trở thành một vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm dưới những góc độ khác nhau và trong một trường nghiên cứu khá mở. Để có một định nghĩa khoa học hơn về văn học, chúng ta có thể áp dụng những công cụ ngôn ngữ học, chẳng hạn như sơ đồ chức năng ngôn ngữ mà Roman Jakobson đã đưa ra. Văn học, với tư cách là một loại hình giao tiếp ngôn ngữ, hội tụ đầy đủ mọi chức năng của ngôn ngữ như chức năng biểu cảm, chức năng nhận cảm, chức năng thi ca, chức năng siêu văn học, chức năng quy chiếu, chức năng duy trì tiếp xúc. Bài viết này nhằm làm sáng tỏ bản chất của diễn ngôn văn học, các đặc trưng của diễn ngôn văn học, sự tương tác giữa các yếu tố/chức năng và sự tác động của chúng tới diễn ngôn văn học.

Từ khóa: Giao tiếp văn học, diễn ngôn văn học, phân tích văn bản, chức năng văn học, Jakobson.

Mỗi thời đại, mỗi nhóm xã hội đều có những hình thức diễn ngôn riêng trong giao tiếp tư tưởng và xã hội

Mikhail Bakhtine

Từ những năm 1990, phân tích diễn ngôn bắt đầu quan tâm đến văn bản văn học và văn bản triết học. Nó vượt qua sự đối lập truyền thống giữa văn bản và bối cảnh để nghiên cứu các tác phẩm văn học trong quá trình diễn ngôn bằng cách dựa vào các yếu tố cấu thành giao tiếp văn học. Ở nước ta, từ khoảng vài thập niên gần đây, khái niệm **diễn ngôn văn học** xuất hiện ngày càng nhiều trong các công trình nghiên cứu văn học và ngữ học. Tuy nhiên, khái niệm này vẫn chưa trút bỏ được “lạ tính” của nó và các đặc trưng của nó hầu như chưa được hệ thống hóa trong một công trình cụ thể nào. Đó là một khái niệm mới, nghe ra có vẻ

khó tiếp thu bởi nó dính dáng tới cả ngôn ngữ học lẫn triết học. Trong giới hạn bài viết này, chúng tôi sẽ cố gắng làm sáng tỏ khái niệm diễn ngôn văn học và tìm hiểu đặc trưng của nó dựa trên sự tương tác giữa các thành tố của giao tiếp văn học.

Theo Dominique Maingueneau, diễn ngôn (discours) có những loại như sau:

1. Tương đương với “lời nói” trong cặp đối lập “ngôn ngữ/lời nói”,
2. Đơn vị cao hơn câu, tương đương với *văn bản*,
3. Trong phạm vi phát ngôn hay ngữ dụng học, việc sử dụng khái niệm *diễn ngôn* thay cho *câu phát ngôn* (énoncé) cho phép nhấn mạnh tính động của hành động phát ngôn, nhấn mạnh quan hệ mà nó thiết lập giữa người phát và người nhận và việc nó nằm trong một ngữ cảnh,
4. Chỉ một cuộc hội thoại, sự tương tác bằng lời nói vốn được xem như loại phát ngôn cơ bản,

*ĐT: 84- 982812309

E-mail: nguyendubin@hotmail.com

5. Sự đối lập giữa *ngôn ngữ* và *diễn ngôn* cho phép phân biệt các giá trị mà một đơn vị ngôn ngữ sở hữu ở dạng tiềm năng, ngoài ngữ cảnh và các giá trị mà đơn vị ngôn ngữ đó có được qua quá trình sử dụng thực tế.

6. Chỉ một hệ thống trong một tập hợp những câu phát ngôn được phát ra từ một vị trí xã hội hay ý thức hệ nào đó (ví dụ như “diễn ngôn nữ quyền”, “diễn ngôn hành chính”, “diễn ngôn học đường”, v.v...)

7. Tại Pháp, người ta dùng *diễn ngôn* để phân biệt với *câu phát ngôn*. *Câu phát ngôn* là một chuỗi câu phát ra giữa hai khoảng trống ngữ nghĩa, hai lần ngưng trong giao tiếp; *diễn ngôn* là câu phát ngôn được xem xét về mặt cơ chế diễn ngôn [1].

Các định nghĩa diễn ngôn mà Maingueneau đã đưa ra ở trên (chủ yếu liên quan đến diễn ngôn *ngôn ngữ*) thể hiện sự đa dạng của các loại diễn ngôn và giáp ranh mờ hồ giữa chúng. Điều này dự báo rất nhiều khó khăn trong việc đưa ra một định nghĩa diễn ngôn văn học có tính thuyết phục nhất. Định nghĩa diễn ngôn văn học là gì đồng nghĩa với định nghĩa diễn ngôn thuần túy kết hợp với việc làm rõ thuộc tính của nó (thuộc tính “văn học”) trong mối tương quan với các yếu tố ngoài văn học, một việc làm không phải dễ bởi từ Platon đến Descartes, từ Spinoza đến Hegel, từ Jakobson đến Foucault, việc xác định cái này là văn học và cái kia không phải văn học vẫn còn bộc lộ nhiều nghịch lý và mờ hồ. Bởi diễn ngôn văn học mang tính đặc thù cho nên việc áp dụng các khái niệm cũng như phương pháp phân tích diễn ngôn thông thường vào việc phân tích diễn ngôn văn học đã và đang gây ra nhiều tranh cãi. Trong khi một số nhà nghiên cứu xem diễn ngôn văn học như là một diễn ngôn thông thường và nghiên cứu diễn ngôn văn học theo phương pháp phân tích diễn ngôn thuần túy thì D. Delas kêu lên: “*Không thể nghiên cứu diễn ngôn văn học bằng cách đơn giản là ứng dụng các khái niệm dành cho việc nghiên cứu các diễn ngôn xã hội khác: nhất thiết phải có thi*

pháp” [2]. Cùng quan điểm này với D. Delas, A. Herschberg Pierrot cho rằng: “*Diễn ngôn đối lập với tác phẩm văn học. Tác phẩm văn học không phải là diễn ngôn như những diễn ngôn khác, đó là một sự kiện viết văn, đọc văn, một cấu hình thẩm mỹ [...] Trong viễn cảnh đó, phân tích diễn ngôn và phân tích phong cách học không có chung cách đặt vấn đề cũng như đối tượng nghiên cứu*” [3]. Tuy nhiên quan điểm có phần cực đoan của Delas và của Herschberg Pierrot vấp phải một vấn đề muôn thủa, đó là việc xác định nghiên cứu văn học như là một chuyên ngành khoa học độc lập, đó là việc xem văn bản văn học như là một đối tượng nghiên cứu khoa học. Quả thế, nghiên cứu văn học luôn thiếu đi cái căn bản về mặt khoa học luận và thừa sự mơ hồ trong việc xác định tính văn học là gì nên luôn phải đối diện với nghịch lý của chính nó: nói đến khoa học, người ta thường nói đến tính chính xác (bởi thế cho nên có khái niệm khoa học chính xác), nhưng nghiên cứu văn học không phải là khoa học chính xác, cho nên nó thuộc thái cực khác, thái cực thiếu chính xác. Muốn tồn tại như một chuyên ngành khoa học, nghiên cứu văn học, trong đó có phân tích diễn ngôn văn học, bắt buộc phải vay mượn các khái niệm và thậm chí phương pháp của các chuyên ngành khác. Đó là chưa nói đến xu thế thời đại ngày nay trong nghiên cứu văn bản văn học, xu thế mở rộng từ nghiên cứu xã hội học, lịch sử hay chủ đề sang nghiên cứu văn phong và thẩm mỹ, từ phương pháp ngoại quan sang phương pháp nội quan, từ nội dung sang hình thức, từ ý thức hệ sang ngôn ngữ, từ tác phẩm trong tổng hòa của nó đến tác phẩm như một hệ thống ký hiệu, v.v... Ngày nay, nghiên cứu văn học không thể tách rời xã hội học, ngôn ngữ học, triết học hay tâm lý học... Lĩnh vực gần nhất với văn học có lẽ là ngôn ngữ học. Bởi ngôn ngữ học nghiên cứu tất cả mọi sự kiện ngôn ngữ cho nên ngôn ngữ văn học không thể bị loại trừ. Vì tinh hoa của văn học được quy tụ ở ngôn ngữ văn học (nếu coi văn học là nghệ thuật của ngôn từ) cho nên

ngiên cứu văn học đòi hỏi phải vận dụng các khái niệm và phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ.

Khi nói đến diễn ngôn văn học, chúng ta phải xét đến cơ chế vận hành, bối cảnh ra đời và tiếp nhận của nó. M. Bakhtine, trong hầu hết các công trình nghiên cứu của mình, đã đưa ra một quan niệm mới về sự kiện văn học, xem sự kiện văn học như một hành vi giao tiếp trong đó cái được nói ra và hành động nói ra, văn bản và bối cảnh không thể tách rời. Vậy cho nên có thể nói diễn ngôn văn học là một đơn vị văn học được xem xét dưới góc độ vận hành trong mối quan hệ của nó với văn cảnh (*contexte littéraire*). Đơn vị văn học ở đây có thể là một văn bản văn học (bao gồm cả văn bản viết và văn bản nói), có thể là một trích đoạn tác phẩm, một tác phẩm hoàn chỉnh nhưng cũng có thể là một tập hợp các tác phẩm. Do vậy, phân tích diễn ngôn văn học là phân tích quá trình vận hành của một đối tượng văn học cụ thể trong một hoàn cảnh giao tiếp văn học cụ thể dưới sự tác động của một hệ thống các yếu tố ngoài văn học.

Để tìm hiểu các đặc trưng của diễn ngôn văn học, có lẽ không có công cụ phương pháp luận nào hữu hiệu hơn là sơ đồ giao tiếp ngôn ngữ mà R. Jakobson đã đề xuất. Công cụ này cho phép chúng ta nghiên cứu đặc trưng của diễn ngôn văn học theo các thành tố sau:

- Nhà văn (chức năng biểu cảm)
- Người đọc (chức năng nhận cảm)
- Thông điệp (chức năng thi ca)
- Mã (chức năng siêu văn học)
- Ngữ cảnh (chức năng quy chiếu)
- Kênh truyền tải (chức năng duy trì tiếp xúc)

Trong giao tiếp văn học, người phát (*émetteur* - nhà văn) nằm trong một hệ thống các mối quan hệ rất phức tạp: là người sử dụng một hệ thống ký hiệu (*code*) để truyền đạt một nội dung (tư tưởng, nghệ thuật) cho người nhận (một đối tượng độc giả ban đầu ở dạng tiềm năng) trong một ngữ cảnh (*contexte*) thông qua

một kênh giao tiếp nào đó (văn viết, văn nói). Cũng như trong ngôn ngữ, tác giả của diễn ngôn văn học trước hết phải có năng lực văn chương (*compétence littéraire*). Đó phải là nhà văn (*écrivain*) chứ không phải là người viết (*écrivain*), tức ngoài khả năng về ngôn ngữ văn chương, anh ta phải có năng lực thẩm mỹ. Nhưng, có trình độ ngôn ngữ văn chương điều luyện hay có năng lực thẩm mỹ cao siêu vẫn chưa đủ, nhà văn phải biết sử dụng cái *văn năng* (*performance littéraire*) đó một cách đúng nơi, đúng lúc trong những tình huống giao tiếp văn học cụ thể. Giao tiếp văn học chỉ có hiệu quả khi nhà văn chọn đúng thời điểm, chọn đúng không gian và nhắm đúng đối tượng tiếp nhận (*văn thi*). Điều này giải thích vì sao có những nhà văn tài ba chỉ được ưa chuộng ở giai đoạn này nhưng lại trở nên lạc hậu ở thời kỳ khác, nổi tiếng ở nước này nhưng không ai biết đến ở nước khác. Trong sơ đồ giao tiếp văn học, nhà văn tương ứng với chức năng biểu cảm. “Người phát” bộc lộ rung cảm của mình qua những gì mình nói và nhờ các thủ pháp văn học. Qua chức năng này, nhà văn bộc lộ cảm xúc của mình, xác định quan hệ của mình với phát ngôn, lập trường tư tưởng cũng như quan điểm thẩm mỹ. Nhà văn bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố. Để được công nhận, anh ta phải biết đáp ứng các chuẩn mực và chấp nhận một số gò bó về thể chế, chính sách xuất bản, kinh tế, thị hiếu thẩm mỹ, v.v... Dominique Maingueneau đã ví von rất độc đáo về thân phận của nhà văn. Ông so sánh nhà văn với một kẻ bị đắm thuyền. Bị cầm tù trên một đảo hoang nào đó, anh ta tìm cách tìm cách thu hút sự chú ý của đồng loại nhờ viết văn. Anh ta viết một thông điệp, bỏ vào chai rồi ném xuống biển. Tiếng kêu cứu của nhà văn thường được cất lên trong vô vọng. Nếu may mắn có một người nào đến với anh ta thì chưa chắc đã hiểu anh ta một cách cặn kẽ. Nếu anh ta được hiểu, nếu giá trị của anh ta được công nhận, xã hội sẽ đến cứu anh ta và sẽ phủ lên người anh ta bao nhiêu là vinh quang, bấy nhiêu là danh tiếng [4]. Thân

phận bấp bênh của nhà văn đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập, đặc biệt là Roland Barthes với tiểu luận “Cái chết của tác giả” và Michel Foucault qua buổi nói chuyện có tựa đề “Tác giả là gì?” tại Hội Triết học Pháp ngày 22 tháng 2 năm 1969. Trong đời sống văn học, giữa các nhà văn thường diễn ra cái mà Mainueneau gọi là “cuộc xung đột giữa các vị trí” [4], cuộc xung đột này được Foucault diễn tả thông qua khái niệm “phương thức phát ngôn” (modalité énonciative): luôn có sự xung đột không ngừng nghỉ giữa các nhà văn nhằm tranh giành quyền năng phát ngôn (autorité énonciative). Bàn về quyền năng phát ngôn trong y học, Foucault cho rằng phát ngôn trong y học không thể được phát ra từ bất kỳ người nào: “*Giá trị của nó, sự hiệu quả của nó, quyền năng chữa bệnh của nó, nói chung là sự tồn tại của nó như là một phát ngôn y học không thể tách rời khỏi nhân vật mà vị thế được xác định rõ ràng và có quyền năng phát ngôn*” [5]. Vấn đề đặt ra trong phân tích diễn ngôn văn học, đó là vị thế của nhà văn không được hợp thức hóa bởi bất cứ thể chế nào. Và do vậy, mục đích hướng tới của nhà văn là không những bảo vệ một lập trường thẩm mỹ mà còn khẳng định quyền năng phát ngôn của mình bằng cách tự lực cánh sinh trong sáng tác văn học, trong việc truyền chuyển thông điệp cho người đọc để qua đó khẳng định vị thế của mình trong giới văn học và cả trong xã hội.

Người đọc trong sơ đồ giao tiếp văn học tương ứng với người nhận (récepteur). Vai trò của người tiếp nhận diễn ngôn văn học là rất quan trọng, gần như mang tính quyết định cho sự sống còn của tác phẩm văn học, của tác giả văn học. Liên quan đến chức năng nhận cảm (conative), người nhận trong giao tiếp văn học hình thành cái mà Bourdieu gọi là “thị trường các giá trị tượng trưng”. Người đọc văn chương là những người tiêu thụ các sản phẩm văn học, có nhu cầu thực sự về mặt văn học. Diễn ngôn văn học thường tạo nên ở người đọc một ấn tượng nào đó, một hiệu ứng nào đó, khiến cho người đọc phải có những phản ứng, tỏ ra một

thái độ nào đó. Nhu cầu về cảm thụ cái hay, cái đẹp trong văn chương phát triển sẽ kéo theo sự phát triển của nội dung và hình thức văn chương. Đặc trưng của người đọc thể hiện rõ nhất ở tầm đón (horizon d’attente), được Hans Robert Jauss định nghĩa như là “*hệ thống các quy chiếu có thể diễn đạt lại một cách khách quan. Đối với mỗi tác phẩm vào thời điểm lịch sử mà nó ra đời, hệ thống này xuất phát từ ba yếu tố cơ bản: kinh nghiệm mà công chúng đọc giả có trước về thể loại tác phẩm, hình thức và chủ đề của các tác phẩm có trước và sự đối lập giữa ngôn ngữ thi ca và ngôn ngữ thực hành, thế giới tưởng tượng và thực tế hàng ngày*” [6]. Tầm đón nhắc đến khái niệm *tập tính* (habitus) mà Bourdieu đã đưa ra. Mỗi người đọc có quá khứ, kinh nghiệm sống, kinh nghiệm cảm thụ văn học và vốn kiến thức văn hóa của riêng mình. Khi người đọc có tầm đón khác nhau thì việc giải mã diễn ngôn văn học cũng sẽ khác nhau. Vai trò của người đọc đã được nghiên cứu khá nhiều, đặc biệt bởi các nhà nghiên cứu theo lý thuyết tiếp nhận. Barthes, Holland, Fish, Iser, Jauss đều đề cao theo cách của mình vai trò của người đọc trong quá trình tiếp nhận văn học.

Nhà văn tương tác với người đọc thông qua một “thông điệp” mã hóa, một diễn ngôn được diễn đạt thông qua một văn bản văn học. Thông điệp mà nhà văn muốn chuyển đến người đọc là thông điệp nghệ thuật hoặc/và tư tưởng. Còn “mã” văn học là hệ thống các ký hiệu văn học có vai trò biểu trưng và chuyển tải thông điệp giữa nhà văn và người đọc. Nhà văn là người làm thao tác cài mã (encodage), còn người đọc là người làm thao tác giải mã (décodage). Để giao tiếp văn học có hiệu quả, nhà văn và người đọc phải có những hiểu biết chung về “mã văn học”, điều không phải lúc nào cũng xảy ra. Nếu như người đọc không biết các quy luật cài mã của nhà văn thì sẽ không thể hiểu thông điệp tư tưởng, nghệ thuật của tác giả. Điều này dẫn tới việc nhà văn có thể bị hạ thấp, bị lãng quên, bị giam cầm trên hòn đảo nghệ thuật và tư tưởng

như Maingueneau đã nhắc đến. Có điều trong giao tiếp văn học, cái mã chỉ một lần, thông qua một văn bản còn giải mã thì vô cùng trong không gian và trong cả thời gian, trong một thế giới mở. Chính vì vậy mà *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có người hiểu, người không, giai đoạn này được giải mã một cách, sang giai đoạn khác lại được diễn giải theo cách khác. Trong giao tiếp văn học, mối quan hệ giữa cái biểu đạt (signifiant) và cái được biểu đạt (signifié) có thể nói là mối quan hệ đặc biệt, như Frédéric Cossutta đã nói:

Diễn ngôn văn học [...] được đặc trưng bởi quá trình diễn ngôn (discursivisation). Quá trình này gắn các hình thức nội dung vào trong các hình thức biểu đạt, đến mức biến phương diện diễn đạt thành chính hình thức của nội dung. Chúng ta có thể khẳng định rằng trong văn học, hình thức của nội dung chính là hình thức của cách biểu đạt: nghĩa của một văn bản văn học không phải là gì khác là phát ngôn và cách phát ngôn. Điều này không có nghĩa là văn bản văn học không muốn nói lên điều gì, hay không nói gì về thế giới, nó có nói nhưng nói một cách thứ yếu, một cách gián tiếp, từ kho tàng hư cấu và ẩn dụ của nó [2].

Cũng liên quan đến tiềm năng bất tận của cái được biểu đạt, Derrida cũng có một định nghĩa khá cô đọng về diễn ngôn. Ông cho rằng diễn ngôn là “*một hệ thống trong đó cái được biểu đạt trung tâm, nguyên thủy hay siêu nghiệm không bao giờ tồn tại một cách tuyệt đối ngoài hệ thống các sự khác biệt. Việc không có cái biểu đạt siêu nghiệm mở rộng vô hạn trường nghĩa và trò chơi ngữ nghĩa*” [2] Giải kiến tạo luận mà ông chủ trương có thể nói đã góp phần rất lớn vào việc phân tích diễn ngôn, đặc biệt là diễn ngôn văn học.

“Thông điệp” và “mã” có thể được xem như nội dung và hình thức của văn bản văn học. Trong giao tiếp văn học, văn bản là một khái niệm động. Nó có mối quan hệ khá phức tạp với người sản sinh ra nó (nhà văn), với người tiếp nhận nó, với ngữ cảnh, với các văn bản khác...

Mã văn học là tổng hợp các quy luật và các yếu tố định hướng cho quá trình sản xuất và tiếp nhận văn bản văn học. Trong diễn ngôn văn học, văn bản văn học có hai loại: văn bản văn học thuần túy và văn bản phê bình. Đặc trưng của văn bản văn học thuần túy (tác phẩm văn học) được xác định qua thể loại. Vấn đề thể loại được rất nhiều nhà nghiên cứu văn học quan tâm. Nhiều người nhấn mạnh vai trò của thể loại trong việc điều tiết mối quan hệ giữa văn bản văn học và người đọc. Bawarchi cho rằng “*thể loại tạo ra một loại hình văn hóa văn học hay thơ ca trong đó hoạt động tạo văn trở nên có ý nghĩa*” [7]. Derrida thì tuyên bố: “*Mọi văn bản đều thuộc một hay nhiều thể loại, không có văn bản không có thể loại*” [8]. Bên cạnh vấn đề thể loại, có một vấn đề khác không kém phần quan trọng, vấn đề tính văn học. Tính văn học đã và đang được tranh luận rất nhiều bởi như Goldenstein đã từng than thở: “*Khó nỡ thay, tính văn học mà ở đâu người ta cũng thấy lại là thứ mà rõ ràng không ai có thể nắm bắt*” [9]. Trong số những người phản đối tính đặc thù của văn bản văn học có Eagleton là người cho rằng “*cái gì cũng có thể trở thành văn học*” và cái gì cũng “*có thể thôi mang tính văn học*” [10]. Còn Van Dijk thì nhận định: “*Cơ chế tri nhận không cho phép chúng ta hiểu diễn ngôn hoặc nắm bắt thông tin bằng một cách khác [...], do vậy, chúng tôi hoàn toàn phủ nhận tính “đặc thù” của cái được gọi là “diễn giải văn học*” [11]. Tuy nhiên, Eagleton và Van Dijk chỉ nhìn nhận diễn ngôn văn học ở góc độ ngôn ngữ chứ chưa xét đến nhiều hàm lượng thẩm mỹ trong diễn ngôn văn học. Văn bản nào cũng có thể có chức năng thi ca, nhưng văn bản nào chức năng này nổi trội so với các chức năng khác thì nó trở thành văn bản văn học tiềm năng. Một diễn ngôn văn học trong mắt một nhà nghiên cứu ngôn ngữ học hay triết học chỉ là một diễn ngôn thông thường, nhưng nó lại trở thành “văn học” thực sự khi là đối tượng nghiên cứu của một nhà phê bình văn học chẳng hạn. Tính văn học hay tính phi văn học trong một

văn bản chỉ phụ thuộc vào góc nhìn hay cách đọc, cách nghe của người tiếp nhận. Tính động của diễn ngôn văn học còn được thể hiện ở sự tương tác của chính nó và các diễn ngôn khác. Để giải thích hiện tượng này, Mikhail Bakhtine đưa ra đối thoại luận (dialogisme) để khẳng định tính đa thanh, đa nghĩa của văn bản, xem văn bản là nơi hội tụ của nhiều thành tố ngôn ngữ, văn phong và văn hóa. Sau này, Julia Kristeva đã phát triển quan niệm này thành tính liên văn bản (intertextualité). Bà cho rằng “*bất cứ văn bản nào cũng đều được xây dựng như một bức tranh ghép từ những đoạn trích dẫn; bất cứ văn bản nào cũng đều là sự hấp thụ và chuyển hóa những văn bản khác* [12]”. Tương tự, Todorov khẳng định:

Diễn ngôn gập gờ diễn ngôn của kẻ khác trên mọi nẻo đường dẫn tới đối tượng của nó, và nó không thể không tương tác với diễn ngôn khác một cách mạnh mẽ và sống động. Chỉ có Adam cô độc, trong thần thoại, khi phát ra diễn ngôn đầu tiên về một thế giới còn nguyên sinh và chưa có ai nói đến, mới có thể hoàn toàn tránh được sự tái định hướng lẫn nhau so với diễn ngôn của kẻ khác [13].

Trong kho tàng văn học Việt Nam, có thể khẳng định *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là một kiệt tác bất hủ, được ví như tấm gương phản ánh tâm hồn người Việt Nam. Thậm chí, có người còn đánh giá đây là một tuyệt phẩm thi ca vô tiền khoáng hậu của dân tộc. Thế nhưng, về văn bản học mà nói, Nguyễn Du đã phóng tác *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân của Trung Quốc: một phần cốt truyện và nhân vật đã được Nguyễn Du nhào nặn lại một cách điêu luyện để viết nên bằng thể lục bát đặc trưng Việt Nam một *Đoạn Trường Tân Thanh* kinh điển. Hơn nữa, hàng nghìn điển cố, điển tích đã được “kỳ tài diệu bút” Nguyễn Du sử dụng một cách sinh động, nhuần nhuyễn và hàm súc để không những mang lại cho *Truyện Kiều* tính bác học đặc trưng phương Đông mà còn tạo nên cho tác phẩm một không gian văn chương đậm màu trung đại. Văn bản *Truyện*

Kiều, do vậy, có mối quan hệ giao thoa với các văn bản (viết và nói) khác ra đời trước nó. *Truyện Kiều* sẽ không là kiệt tác nếu trừ đi các yếu tố mà nó chất lọc và hấp thụ từ một tác phẩm văn học Trung Quốc cụ thể và từ kho tàng ngôn ngữ - văn hóa của dân tộc Việt Nam. Khi phân tích diễn ngôn *Truyện Kiều*, chúng ta phải đặc biệt lưu ý đến khía cạnh này.

Có thể nói đối thoại luận hay liên văn bản đã cho thấy mối quan hệ giữa văn bản và ngữ cảnh vốn là một trong những thành tố của giao tiếp văn học. Có người xem *diễn ngôn = văn bản + ngữ cảnh* cũng không sai. Ngữ cảnh ở đây được kết cấu bằng công thức: *tôi - anh - ở đây - bây giờ* (je, tu, ici, maintenant), trong đó *tôi* tương ứng với tác giả, *anh* tương ứng với người đọc, *ở đây* tương ứng với không gian và *bây giờ* tương ứng với thời gian. Không gian của diễn ngôn văn học được kết cấu bằng “*tập hợp dị tính các sự gò bó và quy tắc, các thể chế, nghi lễ và các mối quan hệ về quyền lực*” [14]. Ở đây, chức năng quy chiếu của diễn ngôn được thể hiện rõ nhất. Chức năng quy chiếu hướng giao tiếp văn học về thông điệp tư tưởng và nghệ thuật của nhà văn, về bản thân nhà văn, về người đọc, về bối cảnh ra đời của diễn ngôn... Đó là chức năng rất quan trọng vì nhờ nó mà có sự đối thoại, dù sớm hay muộn, dù toàn phần hay một phần, giữa văn bản và người đọc.

Nếu như trong sơ đồ giao tiếp ngôn ngữ của Jakobson “*mã*” tương ứng với chức năng siêu ngôn ngữ (métalinguistique) thì trong giao tiếp văn học, nó tương ứng với chức năng siêu văn học (métalittéraire). Chức năng siêu văn học là chức năng dùng văn học để nói về văn học. Chức năng này thể hiện rõ nhất trong các bài viết hay các cuốn sách phê bình văn học hoặc các từ điển văn học. Trên đây, chúng ta nói nhiều về vai trò và vị thế của nhà văn chứ chưa nói về vai trò của nhà phê bình văn học. Chúng ta cần nhắc lại rằng, diễn ngôn văn học không chỉ là văn bản văn học thuần túy mà còn là văn bản phê bình văn học. Văn bản phê bình văn

học cũng mang tính văn học rất cao và qua đó, nhà phê bình cũng có những phát ngôn bày tỏ quan điểm nghệ thuật hay tư tưởng của mình.

Ngoài ra, khi nghiên cứu diễn ngôn văn học, chúng ta không thể bỏ qua một yếu tố khác không kém phần quan trọng, đó là “kênh truyền tải” (canal). Chúng ta biết rằng diễn ngôn văn học đến với người đọc qua nhiều kênh, ví dụ như kênh đọc, kênh truyền khẩu, kênh phát thanh, truyền hình, v.v... Như vậy, làm trung gian giữa nhà văn và người đọc là cả một hệ thống thiết bị “truyền dẫn”: xuất bản, in ấn, phát hành, thư viện, báo chí, thư viện, v.v... Tương ứng với “kênh truyền tải” là chức năng duy trì sự tiếp xúc (phatique) mà không có nó, sự đối thoại giữa nhà văn và người đọc sẽ không được duy trì, cho dù tác phẩm văn học có hay đến mấy. *Những người khốn khổ* của Victor Hugo chỉ đến với một số lượng độc giả nhất định nếu không được tái bản liên tục từ trước tới nay kể cả bản gốc lẫn bản dịch, nếu không có hệ thống phát hành để đưa tác phẩm đến tận tay người đọc trên khắp năm châu, nếu không có lưu trữ trong các thư viện trên toàn thế giới.

Như vậy, chúng ta có thể khẳng định rằng, với phương pháp tiếp cận giao tiếp, dựa vào sáu chức năng ngôn ngữ mà Jakobson đã đề xuất, chúng ta có thể phân tích diễn ngôn văn học một cách khá bao quát. Qua việc phân tích đó, chúng ta có thể làm nổi bật sự tương tác của các yếu tố xung quanh diễn ngôn và cả các yếu tố cấu thành diễn ngôn, làm sáng tỏ tính động của diễn ngôn như một diễn trình bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố, yếu tố văn học cũng như yếu tố ngoài văn học, yếu tố ngôn ngữ cũng như yếu tố ngoài ngôn ngữ, yếu tố xã hội cũng như yếu tố lịch sử. Mặt khác, chúng ta cần phải công nhận rằng tách bạch các chức năng của diễn ngôn văn học như vậy cũng có phần hạn chế và rập khuôn. Nhưng xét về đại cục, phân tích như

vậy cho phép chúng ta có cái nhìn tổng thể về quá trình giao tiếp văn học và bản chất của diễn ngôn văn học.

Tài liệu tham khảo

- [1] D. Maingueneau, *Phân tích diễn ngôn* (Analyse du discours), Nouvelle édition, Hachette supérieur, 1991.
- [2] J. Derrida, *Lối viết và sự khác biệt* (L'Écriture et la Différence), Éditions du Seuil, Paris, 1967.
- [3] D. Delas, “Phong cách học, thi pháp học và phân tích diễn ngôn” (Stylistique, poétique et analyse du discours), *Phân tích diễn ngôn trong nghiên cứu văn học* (l'analyse du discours dans les études littéraires), Presses Universitaires du Mirail, 2004.
- [4] D. Maingueneau, *Bối cảnh tác phẩm văn học, phát ngôn, nhà văn và xã hội*, (Le contexte de l'oeuvre littéraire, Énonciation, écrivain, société), Paris, Dunod, 1993.
- [5] M. Foucault, *Khảo cổ học tri thức* (Archéologie du savoir), Gallimard, 1969.
- [6] P. Brunel P, Y. Chevrel, *Giản yếu văn học so sánh* (Précis de la littérature comparée), Presses Universitaires de France, Vendôme, 1989.
- [7] A. Bawarshi, “Chức năng thể loại” (The genre function), *College English*, số tháng 2 (2000) 346.
- [8] J. Derrida, “Quy luật thể loại” (The law of genre), *Critical Inquiry*, số 7 (1980) 55.
- [9] JP. Goldenstein, *Nhập môn văn học* (Entrées en littérature), Hachette, Paris 1990.
- [10] T. Eagleton, *Nhập môn lý thuyết văn học* (Literary theory: An introduction), Oxford, 1983.
- [11] T.A. Van Dijk, “Tiến trình tri nhận diễn ngôn văn học” (Cognitive processing of literary discourse), *Poetics Today*, số 1 (1979) 151.
- [12] Ngô Tự Lập, *Văn chương như là quá trình dụng diễn*, NXB Tri Thức, 2008.
- [13] T. Todorov, *Mikhail Bakhtine - nguyên lý đối thoại và những bài viết của câu lạc bộ Bakhtine*, (Mikhail Bakhtine - Le principe dialogique suivi de Ecrits du Cercle de Bakhtine, Editions du Seuil, Paris, 1981.
- [14] J.D. Johansen, *Diễn ngôn văn học: tiếp cận văn học về phương diện ký hiệu-ngữ dụng học* (Literary discourse: a semiotic-pragmatic approach to literature), University of Toronto Press, 2002.

Discourse in Literary Communication

Nguyễn Duy Bình

Vinh University, 182 Lê Duẩn street, Vinh, Nghệ An, Vietnam

Literary discourse analysis is in vogue as a field of enquiry, particularly in the guise of critical text analysis, which employs procedures not essentially different from language analysis to identify what is literature. As a form of communication, literature is composed of all factors of a discourse according to Roman Jakobson: writer, message, reader, code, channel, context. These factors are associated with six functions: referential, aesthetic, emotive, conative, phatic, metaliterary. What are characteristics of the literary discourse? How do literary discourse functions work? What are the relationships between these functions? The aim of this contribution is to address these questions. Through this analysis, we can provide answer to the question of the definition of literary discourse, highlight the interactions between the factors of literary discourse and the nature of a literary work.

Keywords: Literary communication, Literary discourse, Text analysis, Literature functions, Jakobson.